

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số **3436** /DNA-TTV ngày **06** /10/2026)

Số: ; 06/10/2026; 11:01:38; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 3:	Lọc các loại											
1	Bộ lọc dầu	Mã danh điểm theo catalog hãng: 774, Model bộ lọc dầu: DF4.225-B20.060.L1-P-5.02-2,0-f2.2,0-Z	Bộ	4						≤90 ngày			Bồn khử silic A-05YH1S002a,c,d S003
2	Bộ lọc khí	AC40-04G-D; cổng Rc1/2"; lọc 5 µm; áp suất làm việc tối đa 1.0 MPa; dải điều chỉnh 0.05–0.85 MPa; đồng hồ áp suất tròn có chỉ thị giới hạn; xả nước bằng tay; bát polycarbonate; kiểu xả áp relieving; hướng dòng trái sang phải; kèm giá đỡ Y400T-D	Cái	1						≤90 ngày			Sửa chữa van A-18YH1V014
3	Lọc bụi và khí	Ø323xØ213xØ17x910mm	Cái	32						≤90 ngày			Máy lọc bụi kiểu tự làm sạch D-01R1S002(a,b,c)
4	Lọc bụi và khí	Ø79x670mm; hai lớp lưới thép; phần ty ren lắp M8x70mm (E020-T)	Cái	24						≤90 ngày			Máy sấy khô tái sinh dư nhiệt D-01R1S003(a,b,c)
5	Lọc dầu	1621 875 000	Cái	3						≤90 ngày			Máy nén khí li tâm D-01R1S001(a,b,c)
6	Lọc dầu	P173789	Cái	2						≤90 ngày			Máy nghiền bi A-04YH1S001b,c
7	Lọc dầu động cơ	11N4-70110SE	Cái	20						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
8	Lọc dầu động cơ	11NA-70110VMA	Cái	20						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAL HL760-9S 03, 04, 05
9	Lọc dầu động cơ	530-1012240	Cái	3						≤90 ngày			Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn
10	Lọc dầu động cơ	600-211-1341	Cái	4						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R
11	Lọc dầu động cơ	6742-01-4540	Cái	4						≤90 ngày			Máy gạt Komatsu D65EX-16
12	Lọc dầu động cơ	C4897898	Cái	2						≤90 ngày			Xe ô tô xi téc phun nước(DONFENG CSC5250TDY6DF; số khung: LGAX4C444S9868404; số động cơ: ISD2705093566265)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Lọc dầu động cơ	C-5511 (D17-002-02+B)	Cái	2						≤90 ngày			TY120
14	Lọc dầu động cơ	JX0810Y	Cái	6						≤90 ngày			Xe nâng Lonking FD20 02, 04;Xe xúc lật Lonking LG8025B 01/02
15	Lọc dầu động cơ	P550490 (JX 1023A)	Cái	3						≤90 ngày			Xe nước MAZ
16	Lọc điều hòa	11N6-90060	Cái	3						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
17	Lọc điều khiển thủy lực	31E3-0018 -A	Cái	6						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
18	Lọc điều khiển thủy lực	31Q6-20340-P	Cái	6						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
19	Lọc gió	120x200x370mm (2034)	Cái	2						≤90 ngày			Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn
20	Lọc gió	155x110x59x225mm	Cái	2						≤90 ngày			Xe nâng Lonking FD20 02, 04
21	Lọc gió	600-185-5100	Bộ	4						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R/ Máy gạt Komatsu D65EX-16
22	Lọc gió	AA2959	Cái	2						≤90 ngày			Xe ô tô xi téc phun nước(DONFENG CSC5250TDY6DF; số khung: LGAX4C444S9868404; số động cơ: ISD2705093566265)
23	Lọc gió	K2640+A(150928); gồm 2 lõi lọc: lọc ngoài: Ø165xØ260x420mm và lọc trong: Ø160x360mm (K2640)	Bộ	2						≤90 ngày			TY120
24	Lọc gió	K3038	Cái	2						≤90 ngày			Xe nước MAZ
25	Lọc gió điều hòa	11Q6-90510-P	Cái	6						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
26	Lọc gió điều hòa	BHR5274GL	Cái	2						≤90 ngày			Xe xúc lậtLonking LG8025B 01
27	Lọc gió điều hòa ngoài	11K6-91451VM	Cái	6						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
28	Lọc gió hai lõi	Ø175xØ105xØ342mm; Ø114xØ94xØ78x320mm	Cái	4						≤90 ngày			Xe xúc lật Lonking LG8025B 01, 02

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
29	Lọc gió trong+lọc gió ngoài	11Q8-20320-ASK	Bộ	12						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
30	Lọc gió trong+ngoài	11N6-27040VMK	Bộ	10						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
31	Lọc hộp số	ZGAQ-02400 NR0501323154	Cái	12						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
32	Lọc hơi	M36x1.5; max 14bar (4324102227)	Cái	2						≤90 ngày			Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn
33	Lọc nước động cơ	11LB-70010-AS	Cái	6						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05; Xe ủi TY120
34	Lọc nhiên liệu	CX0708	Cái	6						≤90 ngày			Xe nâng Lonking FD20 02, 04;Xe xúc lật Lonking LG8025B 01
35	Lọc nhiên liệu	CX0710B4	Cái	4						≤90 ngày			Xe xúc lật Lonking LG8025B 02
36	Lọc nhiên liệu	CX0814C (CX0814C/B)	Cái	1						≤90 ngày			TY120
37	Lọc nhiên liệu tinh	11E1-70010-SE	Cái	20						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
38	Lọc nhiên liệu tinh	11E1-70210VMA	Cái	20						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
39	Lọc nhiên liệu tinh	231-1105020	Cái	6						≤90 ngày			Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn
40	Lọc nhiên liệu tinh	P550372	Cái	6						≤90 ngày			Xe nước MAZ
41	Lọc nhiên liệu thô	11E1-70010SE	Cái	20						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
42	Lọc nhiên liệu thô	11E1-70210VMA	Cái	20						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
43	Lọc nhiên liệu thô	ST-CX14010-MAZ (530-1012240)	Cái	3						≤90 ngày			Xe nước MAZ
44	Lọc tách nước	11LF-20920-SE	Cái	20						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
45	Lọc tách nước	11NA-72011VM	Cái	20						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
46	Lọc tách nước	600-311-7612	Cái	2						≤90 ngày			Máy gặt Komatsu D65EX-16

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
47	Lọc tách nước	F1235 (DX150)	Cái	3						≤90 ngày			Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn
48	Lọc tách nước	ZPC5310808	Cái	2						≤90 ngày			Xe ô tô xi téc phun nước(DONFENG CSC5250TDY6DF; số khung: LGAX4C444S9868404; số động cơ: ISD2705093566265)
49	Lọc tinh nhiên liệu	600-311-3841	Cái	4						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R
50	Lọc tinh nhiên liệu	600-319-3750	Cái	4						≤90 ngày			Máy gạt Komatsu D65EX-16
51	Lọc tinh nhiên liệu	ZPC4989106	Cái	2						≤90 ngày			Xe ô tô xi téc phun nước(DONFENG CSC5250TDY6DF; số khung: LGAX4C444S9868404; số động cơ: ISD2705093566265)
52	Lọc thô nhiên liệu	600-319-3610	Cái	4						≤90 ngày			Máy gạt Komatsu D65EX-16
53	Lọc thô nhiên liệu	600-319-4540	Cái	4						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R
54	Lọc thô nhiên liệu	FS19816	Cái	2						≤90 ngày			Xe ô tô xi téc phun nước(DONFENG CSC5250TDY6DF; số khung: LGAX4C444S9868404; số động cơ: ISD2705093566265)
55	Lọc thông hơi thùng thủy lực	31EE-02110-A	Cái	6						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
56	Lọc thùng dầu thủy lực	421-60-35170	Cái	2						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R
57	Lọc thủy lực	14X603-1150	Cái	2						≤90 ngày			Máy san Komatsu GD755-5R/ Máy gạt Komatsu D65EX-16

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
58	Lọc thủy lực	31E3-4529	Cái	3						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01,02.03(Số nhận dạng: HHKHZ402TD0000449; HHKHZ 402CD0000392,
59	Lọc thủy lực	31K6-0132ED	Cái	3						≤90 ngày			Xe cẩu tự hành Thaco 5 tấn
60	Lọc thủy lực	31L1-0139 (31FQ-50080)	Cái	2						≤90 ngày			Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04
61	Lọc xả bơm thủy lực	31RF-10350	Cái	6						≤90 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S số 01, 02, 03
62	Lõi lọc	Lõi PP; 10 inch; vật liệu Polypropylene (dạng sợi bông); khe hở 5µm	Cái	6						≤90 ngày			Máy X-ray D-27YH1S027
63	Lõi lọc dầu	E5-44; Ø85xØ52x687mm	Cái	6						≤90 ngày			Bộ thu hồi dầu thải D-02R1S002(b,c)
64	Lõi lọc khí	2205 433 806	Cái	6						≤90 ngày			Máy nén khí trực vít D-02R1S001(a,b,c,d)
65	Túi lọc bụi	Ø132x2550x2mm; sợi: Polyester; miệng vòm inox đẹp đàn hồi	Cái	662						≤90 ngày			Máy lọc bụi túi A-19F1S001; A-19F1S003a, b
	Tổng cộng												